

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Silane

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất) : Silane

Số CAS : 7803-62-5

Số UN : UN2203

Số đăng ký EC : 232-263-4

Mã sản phẩm : Không có sẵn.

Tên hóa chất : silan

Các cách khác để xác định lại lịch : Silicon tetrahydride

Loại sản phẩm : Khí hóa lỏng.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Ứng dụng sản phẩm : Không có sẵn.

Khu vực áp dụng : Ứng dụng công nghiệp.

Mục đích sử dụng

Trung gian

Nhà sản xuất : REC Silicon Inc.
119140 Rick Jones Way
Butte, MT 59750

Telephone:(406)-496-9877
Số điện thoại khẩn cấp (24 h): (406)-496-9877

Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm đối với bảng SDS này : recsiliconSDS@recsilicon.com

Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động) : CHEMTREC : 1-800-424-9300
Ccn#403

II. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Mức xếp loại nguy hiểm : H220 KHÍ DỄ CHÁY - Loại 1
H280 KHÍ CHỊU ÁP SUẤT - Khí hoá lỏng

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 3/29/2023 Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định Phiên bản : 1 1/11

Vietnamese (VN)

Viet Nam

II. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo :

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ :

H220 - Khí rất dễ cháy.

H280 - Chứa khí dưới áp suất; có thể nổ nếu gia nhiệt.

Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn :

P210 - Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Cấm hút thuốc.

Phản ứng :

P377 - Rò rỉ khí cháy: Không dập tắt, trừ khi có thể bịt chỗ rò rỉ một cách an toàn.
P381 - Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nếu an toàn.

Lưu trữ :

P410 + P403 - Tránh ánh sáng mặt trời. Lưu trữ trong môi trường thoáng khí.

Xử lý :

Không áp dụng.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại

: Tác động như một chất làm ngạt đơn giản. Nếu tập trung nhiều, có thể chiếm chỗ không khí bình thường và gây ngạt thở do thiếu oxy.

III. Thông tin về thành phần các chất

Chất/pha chế :

Chất

Tên hóa chất :

silan

Các cách khác để xác định lại lịch

: Silicon tetrahydride

Số đăng ký CAS (Dịch Vụ Thông Tin Cơ Bản Hóa Chất Của Hoa Kỳ)/ các mã số khác

Số CAS :

7803-62-5

Số UN :

UN2203

Số đăng ký EC :

232-263-4

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	%
silan	7803-62-5	100

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt :

Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.

Hít phải :

Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở.

Tiếp xúc ngoài da :

Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Để tránh các nguy cơ phóng tĩnh điện gây bốc cháy chất khí, ngâm quần áo bị ô nhiễm cẩn thận vào trong nước rồi lấy ra. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Trong trường hợp bị tiếp xúc với chất lỏng, dùng nước ấm để làm ấm lại từ từ các mô bị lạnh cóng và đưa đi điều trị. Không chà xát các vùng bị ảnh hưởng.

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh

: 3/29/2023

Ngày phát hành lần trước

: Trước đây chưa thẩm định

Phiên bản

: 1

2/11

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Nuốt phải : Nuốt phải chất lỏng có thể gây ra phỏng tương tự vết tê cứng. Nếu bị tê cứng, hãy đến bác sĩ. Vì sản phẩm này nhanh chóng biến thành khí khi thoát ra, tham khảo phần hít phải.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Chất lỏng có thể gây phỏng tương tự như vết tê cứng.
Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tiếp xúc ngoài da : Da tiếp xúc với chất lỏng bốc hơi nhanh có thể dẫn đến mô đông cứng hay tê cứng.
Nuốt phải : Nuốt phải chất lỏng có thể gây ra phỏng tương tự vết tê cứng.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
tê cứng
Hít phải : Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
tê cứng
Nuốt phải : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
tê cứng

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
Điều trị cụ thể : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
Bảo vệ nhân viên sơ cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp : Trong trường hợp hỏa hoạn, dùng bụi nước (sương), hóa chất khô hay CO₂. Lửa gas rò rỉ: Không dập lửa, trừ khi có thể chặn rò rỉ một cách an toàn.

Các chất chữa cháy không phù hợp : Đừng dùng tia nước. / CO₂

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất : Chứa khí nén. Khí rất dễ cháy. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Hơi/khí nặng hơn không khí và sẽ lan rộng ra mặt đất. Khí có thể tích lũy ở nơi kín, có thể đi một khoảng xa đến nguồn bắt lửa và cháy lan về gây nổ.

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm : Các sản phẩm làm thổi rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
ôxít kim loại

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy** : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất cả mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Liên hệ nhà cung cấp ngay lập tức để xin ý kiến chuyên gia. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa hơi ra lửa. Nếu có đám cháy, đóng ngay luồng chảy lửa nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Trong trường hợp bất khả kháng, thoát ra khỏi khu vực và để cho cháy. Chữa cháy từ nơi có bảo vệ hay khoảng cách xa tối đa có thể. Loại trừ tất cả các nguồn bốc cháy nếu có thể làm như vậy an toàn.
- Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy** : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương. Với các sự cố có liên quan đến những số lượng lớn, cần mặc quần áo lót cách nhiệt và găng tay bằng vải dày hoặc da.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

- Cho người không phải nhân viên cấp cứu** : Sự phun ra bất ngờ tạo ra mối nguy cháy nổ nguy hiểm. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
- Cho các nhân viên cấp cứu** : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
- Đề phòng cho môi trường** : Phải bảo đảm rằng các quy trình xử lý khẩn cấp sự cố rò rỉ khí đột ngột phải sẵn có tại chỗ để xử lý, tránh gây ô nhiễm cho môi trường. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

- Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ** : Liên lạc ngay với nhân viên cấp cứu. Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ.
- Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng** : Liên lạc ngay với nhân viên cấp cứu. Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

- Biện pháp bảo vệ** : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Chứa khí nén. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Tránh hít phải khí. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng đục thủng hay thiêu đốt bình chứa.
- Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát** : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Đừng lưu trữ ở nhiệt độ cao hơn nhiệt độ sau đây: 51.67°C (125°F). Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10). Loại trừ mọi nguồn bất lửa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
silan	BỘ Y TẾ (Việt Nam, 6/2019). TWA: 0.7 mg/m ³ 8 giờ. STEL: 1.5 mg/m ³ 15 phút.

Chỉ số phơi nhiễm sinh học

Không biết chất nào.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Dùng các phương tiện che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hay các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức phơi nhiễm của công nhân đối với khí độc hại thấp hơn bất kỳ giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

Bảo vệ mắt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: Kính an toàn có tấm chắn bên hông.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

: Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Nếu có thể tiếp xúc đến chất lỏng, nên mang bao tay có cách nhiệt phù hợp cho nhiệt độ thấp. Xem xét các thông số do nhà sản xuất cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 3/29/2023 **Ngày phát hành lần trước** : Trước đây chưa thẩm định **Phiên bản** : 1 5/11

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

xác được.

Khuyến cáo: Găng tay: Da.

Tuân theo các hướng dẫn về an toàn.: OSHA Article 29 CFR 1910.132, 1910.136

Tham khảo tiêu chuẩn: EN 388

- Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.
- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác. Khuyến cáo: Cần tham khảo các tài liệu về tiêu chuẩn theo dõi, như: OSHA 29 CFR 1910.134 / EN = Tiêu chuẩn Châu Âu (chuẩn) 149
- Các nguy hại về nhiệt** : Nếu có nguy cơ tiếp xúc với chất lỏng, tất cả các trang bị bảo hộ sử dụng đều phải thích hợp với các vật liệu có nhiệt độ cực thấp.

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Điều kiện đo lường của tất cả các đặc tính là ở điều kiện nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn trừ khi có quy định khác.

Bề ngoài

- Trạng thái vật lý** : Khí.
- Màu sắc** : Không màu.
- Mùi** : mùi ghê tởm.
- Ngưỡng về mùi** : Không có sẵn.
- pH** : Không áp dụng.
- Điểm chảy/điểm đông** : -185°C (-301°F)
- Điểm sôi, điểm sôi ban đầu, và dải sôi** : -111.7°C (-169.1°F)
- Điểm bùng cháy** : Không áp dụng.
- Tỷ lệ hóa hơi** : Không có sẵn.
- Khả năng cháy** : Không có sẵn.
- Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên** : Thấp hơn: 1.37%
Trên: 96%
- Áp suất hóa hơi** : Không áp dụng.
- Mật độ hơi tương đối** : 1.3 [Không khí = 1]
- Mật độ tương đối** : Không áp dụng.
- Tính hòa tan** :

Môi trường	Kết quả
nước	Không hòa tan

- Có thể trộn lẫn với nước** : Không.
- Hệ số phân chia nước/Octanol** : Không có sẵn.
- Nhiệt độ tự cháy** : Không áp dụng.

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Nhiệt độ phân hủy	: Không áp dụng.
Tính dẻo	: Không áp dụng.
Thời gian chảy (ISO 2431)	: Không có sẵn.
Phân tử khối	: 32.12 g/mole
<u>Đặc tính hạt</u>	
Kích thước hạt trung bình	: Không áp dụng.
<u>Thông tin cần thiết khác</u>	
Nhận xét thuộc tính lý/hóa	: Không có thông tin gì thêm.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
Tính ổn định	: Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra. Dưới tình trạng lưu trữ và sử dụng bình thường, polyme hóa nguy hại sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	: Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa). Đừng ép, cắt, nối, đánh đồng, hàn, soi, nghiền hoặc phơi các đồ đựng ra chỗ nóng hoặc nguồn kích hỏa. Đừng cho khí tích tụ ở những nơi thấp hoặc chật hẹp.
Các vật liệu không tương thích	: Các vật liệu không tương thích: Oxy hóa, không khí
Sản phẩm phân rã có môi nguy	: Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rữa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Không có sẵn.

Kích ứng/Ăn mòn

Không có sẵn.

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Kết luận/Tóm tắt : Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Kết luận/Tóm tắt : Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Kết luận/Tóm tắt : Không có sẵn.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính gây quái thai

Kết luận/Tóm tắt : Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra : Đường xâm nhập lượng trước được: Hít phải.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Chất lỏng có thể gây phỏng tương tự như vết tê cứng.
Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tiếp xúc ngoài da : Da tiếp xúc với chất lỏng bốc hơi nhanh có thể dẫn đến mô đông cứng hay tê cứng.
Nuốt phải : Nuốt phải chất lỏng có thể gây ra phỏng tương tự vết tê cứng.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: tê cứng
Hít phải : Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: tê cứng
Nuốt phải : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: tê cứng

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

- Tổng quát** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính đột biến : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Độc tính sinh sản : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 3/29/2023 **Ngày phát hành lần trước** : Trước đây chưa thẩm định **Phiên bản** : 1 8/11

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

N/A

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc Tính**

Không có sẵn.

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có sẵn.




Khả năng tồn lưu

Không có sẵn.

Khả năng phân tán qua đất**Hệ số phân cách đất/nước (K_{oc})** : Không có sẵn.**Hậu quả xấu khác** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.**XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bình áp suất rỗng phải trả về cho nhà cung cấp. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cận sản phẩm. Đừng đục thủng hay thiêu đốt bình chứa.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	UN2203	UN2203	UN2203
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	SILANE	SILANE	Silane
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	2.1 	2.1 	2.1 
Quy cách đóng gói	-	-	-

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 3/29/2023 **Ngày phát hành lần trước** : Trước đây chưa thẩm định **Phiên bản** : 1 9/11

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Mối nguy cho môi trường	Không.	No.	No.
-------------------------	--------	-----	-----

Thông tin bổ sung

IMDG

: **Emergency schedules** F-D, S-U

IATA

: **Quantity limitation** Passenger and Cargo Aircraft: Forbidden. Packaging instructions: Forbidden. Cargo Aircraft Only: Forbidden. Packaging instructions: Forbidden. Limited Quantities - Passenger Aircraft: Forbidden. Packaging instructions: Forbidden.
Special provisions A2

Các biện pháp để phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng**: luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : Không có sẵn.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Nghị Định Số: 113/2017/NĐ-CP - Hóa chất phải khai báo : Có thể áp dụng

Nghị Định Số: 113/2017/NĐ-CP - Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Tên thành phần nguy hiểm	%	Số lượng báo cáo
silan	≥90	Số lượng báo cáo: 10000 kg

Danh mục hóa chất Việt Nam : Vật liệu này được liệt kê hoặc được miễn.

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

Nghị định thư Montreal

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiểu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Không liệt kê.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại

NFPA



HMIS

Sức khỏe	/	4
Khả năng cháy		4
Nguy hiểm thể chất		3

Lịch sử

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 3/29/2023

Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định

Phiên bản : 1

Chuẩn bị bởi : Sphera

Bảng từ viết tắt

: ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
 BCF = Hệ số nồng độ sinh học
 GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
 IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
 IBC = Côngtenơ khổ trung
 IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
 LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước
 MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
 N/A = Không có sẵn
 UN = Liên hợp quốc

Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Phân loại	Cơ sở lý luận
KHÍ DỄ CHÁY - Loại 1	Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm
KHÍ CHỊU ÁP SUẤT - Khí hoá lỏng	Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm

Tham khảo : Luật hóa chất năm số hiệu: 06/2007/QH12 (GHS)
 Quy định vận chuyển quốc tế
 Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT
 Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

☑ Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này.

Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.